

Bản án số: 04/2021/DS-ST

Ngày 07/4/2021

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Bình.

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Quang và ông Phạm Đông Phong.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Hồng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2020/TLST-DS ngày 04/3/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2021/QĐST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín; địa chỉ: 266 -268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Công H - Phó phòng giao dịch Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Chi nhánh Gia Lai Phòng giao dịch A; địa chỉ: 24 Hoàng Văn Thụ, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai, theo giấy ủy quyền số 217/GUQ-CNGL ngày 30/9/2019, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Trương Đức Duy K, sinh năm: 1981; địa chỉ cư trú: tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/9/2019, đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín trình bày:

Ngày 12/5/2014 ông Trương Đức Duy K vay vốn của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín theo hợp đồng tín dụng số LD1413200372 với số tiền là 80.000.000đồng, thời hạn vay 48 tháng, hạn trả nợ 12/5/2018. Sau khi vay tiền ông K đã thanh toán cho Ngân hàng được 53.312.000đồng tiền gốc và 21.760.000đồng tiền lãi. Sau đó, ông K không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên ngày 25/02/2017 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn và tính đến ngày 23/9/2019 ông K còn nợ Ngân hàng 26.688.000đồng tiền gốc và 22.245.306đồng tiền lãi và lãi quá hạn. Tổng cộng

gốc, tiền lãi và lãi quá hạn là 48.933.306đồng. Do ông K không chấp hành trả nợ gốc, tiền lãi và lãi quá hạn theo hợp đồng đã ký kết nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Khánh phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi của món vay trên.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền ông Lê Công H, đề nghị Tòa án buộc ông Trương Đức Duy K phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín thông qua Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Chi nhánh Gia Lai - Phòng giao dịch A toàn bộ số tiền nợ gốc là 26.688.000đồng, nợ lãi 10.880.000đồng và nợ lãi quá hạn 14.516.401đồng, tính đến ngày xét xử .

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: 01 giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh; 01 giấy ủy quyền số 4028/2018 GUQ-PL ngày 10/12/2018; 01 giấy ủy quyền số 216/GUQ-CNGL ngày 30/9/2019; 01 hợp đồng liên kết ngày 25/5/2011; 01 hợp đồng tín dụng ngày 12/5/2014; 01 giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn ngày 12/5/2014; giấy CMND, sổ hộ khẩu Trương Đức Huy K; 01 bản thanh toán tiền lương tháng 5/2015 và 01 Quyết định bổ nhiệm kế toán trưởng.

Các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập gồm: Biên bản xác minh ngày 06/3/2020; Hợp đồng thông báo nhấn tin số 395/NT/2020/HĐTT-CNHCM ngày 23/7/2020; Báo công lý 03 số liên tiếp 061,062 và 063 năm 2020.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông K không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên Tòa án không hòa giải được.

Tại phiên tòa ý kiến của kiểm sát viên: Về thủ tục tố tụng Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 149; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Buộc ông Trương Đức Duy K trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín thông qua Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Chi nhánh Gia Lai Phòng giao dịch A toàn bộ số tiền gốc, lãi và lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

Về án phí và lệ phí tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chịu lệ phí tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú.

Buộc ông Trương Đức Duy K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai giải quyết buộc ông Trương Đức Duy K trả toàn bộ khoản nợ vay cộng với lãi và lãi quá hạn. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông K bỏ đi khỏi nơi cư trú nên Tòa án làm thủ tục tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú và triệu tập ông K tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng Ông K không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do đó Tòa án tiến hành theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét về nội dung vụ án: Qua lời khai của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận ông Trương Đức Duy K có vay vốn của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín theo hợp đồng tín dụng số LD1413200372 với số tiền là 80.000.000đồng, thời hạn vay 48 tháng, hạn trả nợ 12/5/2018. Sau khi vay tiền ông K đã thanh toán cho Ngân hàng được 53.312.000đồng tiền gốc và 21.760.000đồng tiền lãi. Đến nay ông K chưa thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc, lãi và lãi quá hạn còn lại. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ông K còn nợ Ngân hàng tiền gốc 26.688.000đồng, nợ lãi 10.880.000đồng và nợ lãi quá hạn 14.516.401đồng. Tổng cộng gốc, lãi và lãi quá hạn là 52.084.401đồng. Do ông K không chấp hành trả nợ gốc, lãi và lãi quá hạn theo hợp đồng đã ký kết nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông K phải trả toàn bộ nợ gốc, lãi và lãi quá hạn của món vay trên.

Xét về hợp đồng giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và ông K là hợp đồng vay tín chấp, có thỏa thuận kỳ hạn trả nợ, thỏa thuận lãi, lãi quá hạn, nhưng sau khi nhận đủ số tiền vay ông K thực hiện một phần nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, phần còn lại không trả gốc và lãi theo định kỳ như đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng, nên Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông K trả toàn bộ số tiền gốc còn lại, lãi và lãi quá hạn còn lại theo quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng và Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên buộc ông Trương Đức Duy K trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín thông qua Phòng giao dịch A tính đến ngày xét xử sơ thẩm toàn bộ số nợ gốc là 26.688.000đồng, cộng với nợ lãi 10.880.000đồng và nợ lãi quá hạn 14.516.401đồng. Tổng số tiền mà ông K phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín là 52.084.401đồng.

[3] Về án phí và lệ phí tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chịu lệ phí tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú.

Ông Trương Đức Duy K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; Điều 147 ; Điều 149; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín .

Buộc ông Trương Đức Duy K trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín thông qua Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Chi nhánh Gia Lai Phòng giao dịch A toàn bộ số tiền nợ gốc là 26.688.000đồng (hai mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng) cộng tiền nợ lãi và lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 25.396.401đồng (hai mươi lăm triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm lẻ một đồng). Tổng cộng 52.084.401đồng (năm mươi hai triệu không trăm tám mươi bốn nghìn bốn trăm lẻ một đồng).

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí và lệ phí tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú:

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí là 1.957.000đồng (một triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006859 ngày 03/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, Gia Lai.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chịu lệ phí tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú số tiền là 3.081.077đồng (ba triệu không trăm tám mươi một nghìn không trăm bảy mươi bảy đồng). Ngân hàng đã nộp đủ số tiền trên.

Buộc ông Trương Đức Huy K phải nộp 2.604.220đồng (hai triệu sáu trăm lẻ bốn nghìn hai trăm hai mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 07/4/2021. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày

kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Ngọc Bình